

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẠI TỪ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1828 /UBND-KTHT

Đại Từ, ngày 28 tháng 9 năm 2021

V/v thông báo danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Xây dựng chuẩn hóa năm 2021 thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện

Kính gửi:

- Các cơ quan, đơn vị thuộc huyện;
- Các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn huyện;
- UBND các xã, thị trấn.

Căn cứ Quyết định số 2707/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên, Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ thông báo một số nội dung sau:

1. Thông báo danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Xây dựng được chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý UBND cấp huyện gồm:


- Cấp huyện: 11 thủ tục hành chính thuộc 02 lĩnh vực. Cụ thể:

+ Lĩnh vực Quy hoạch kiến trúc: 03 thủ tục.

+ Lĩnh vực Quản lý hoạt động xây dựng: 08 thủ tục.

2. Các Quyết định công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng, UBND cấp huyện hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định số 2707/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên có hiệu lực thi hành.

*(Có Quyết định số 2707/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên và danh mục thủ tục hành chính kèm theo)*

Chủ tịch UBND huyện Đại Từ đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn chỉ đạo cập nhật, thay thế danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý của UBND cấp huyện; thực hiện niêm yết công khai tại nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của UBND huyện theo quy định và thông báo rộng rãi cho các tổ chức, cá nhân được biết và thực hiện./. 

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Văn phòng HĐND&UBND huyện;
- Lưu: VT, KT&HT.



**CHỦ TỊCH**



**Phạm Quang Anh**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA LĨNH VỰC XÂY DỰNG NĂM 2021**  
**THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA UBND CẤP HUYỆN**

Ban hành kèm theo Quyết định số 2707/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên

(Kèm theo Công văn số 1828/UBND-KT&HT ngày 28/9/2021 của UBND huyện Đại Từ)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC QUY HOẠCH KIẾN TRÚC</b>					
1	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết (theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị và Nghị định số 37/2010/NĐ-CP): 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Đối với thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng đặc thù, điểm dân cư nông thôn (theo quy định của Luật Xây dựng và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP): 15</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Nơi Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả giải quyết TTHC:</b> Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC, UBND cấp huyện</li> <li>- Hoặc qua đường dịch vụ bưu chính.</li> <li>- Hoặc nộp qua dịch vụ công trực tuyến.</li> </ul>	Chi phí thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch áp dụng theo quy định tại Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Luật Xây dựng năm 2014;</li> <li>2. Luật Quy hoạch đô thị năm 2009;</li> <li>3. Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018;</li> <li>4. Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;</li> <li>5. Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về</li> </ul>	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
		ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			<p>lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;</p> <p>6. Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;</p> <p>7. Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về việc quy định về nội dung hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
					<p>8. Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;</p> <p>9. Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;</p> <p>10. Quyết định số 835/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được chuẩn hóa; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực Quy hoạch - Kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
2	Thẩm định đề án, đề án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự án xây dựng đô thị:</li> <li>+ Thời gian thẩm định không quá 20 ngày.</li> <li>- Dự án xây dựng khu chức năng đặc thù, điểm dân cư nông thôn:</li> <li>+ Thời gian thẩm định không quá 15 ngày.</li> </ul>	<p><b>- Nơi Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả giải quyết TTHC:</b></p> <p>Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC, UBND cấp huyện</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoặc qua đường dịch vụ bưu chính.</li> <li>- Hoặc nộp qua dịch vụ công trực tuyến.</li> </ul>	Chi phí thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch áp dụng theo quy định tại Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Luật Xây dựng năm 2014;</li> <li>2. Luật Quy hoạch đô thị năm 2009;</li> <li>3. Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018;</li> <li>4. Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;</li> <li>5. Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;</li> <li>6. Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày</li> </ol>	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ sở pháp lý	Cơ chế giải quyết
					<p>07/4/2010 của Chính phủ về lập thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;</p> <p>7. Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về việc quy định về nội dung hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;</p> <p>8. Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;</p> <p>9. Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
					<p>lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;</p> <p>10. Quyết định số 835/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được chuẩn hóa; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực Quy hoạch - Kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</p>	
3	<p>Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền UBND cấp huyện</p>	<p>15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p><b>- Nơi Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả giải quyết TTHC:</b></p> <p>Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC, UBND cấp huyện</p> <p>- Hoặc qua đường dịch vụ bưu chính.</p>	<p>Không quy định</p>	<p>1. Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội khóa XIII;</p> <p>2. Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009 của Quốc hội;</p> <p>3. Luật số 35/2018/QH14 ngày 19/11/2018 sửa đổi một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;</p>	<p>Một cửa</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
			- Hoặc nộp qua dịch vụ công trực tuyến.		4. Quyết định số 808/QĐ-BXD ngày 17/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính “Cung cấp thông tin về Quy hoạch xây dựng” thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	
<b>II</b>	<b>LĨNH VỰC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG</b>					
1	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: - Không quá 35 ngày đối với Dự án nhóm A. - Không quá 25 ngày đối với dự án nhóm B - Không quá 15 ngày đối với dự án nhóm C	<b>- Nơi Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả giải quyết TTHC:</b> Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC, UBND cấp huyện - Hoặc qua đường dịch vụ bưu chính. - Hoặc nộp qua dịch vụ công trực tuyến.	- Phí thẩm định: Theo Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.	1. Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; 2. Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; 3. Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây	Một cửa



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
					<p>dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;</p> <p>4. Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</p>	
2	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở	<p>Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không quá 40 ngày đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt;</li> <li>- Không quá 30 ngày đối với công trình cấp II và cấp III;</li> <li>- Không quá 20 ngày đối với công trình còn lại.</li> </ul>	<p><b>- Nơi Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả giải quyết TTHC:</b></p> <p>Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC, UBND cấp huyện</p> <p>- Hoặc qua đường dịch vụ bưu chính.</p>	<p>- Phí thẩm định:</p> <p>Theo Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở do</p>	<p>1. Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;</p> <p>2. Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;</p>	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
			- Hoặc nộp qua dịch vụ công trực tuyến.	Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.	<p>3. Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;</p> <p>4. Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</p>	
3	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín	- 20 ngày đối với công trình và 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<p><b>- Nơi Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả giải quyết TTHC:</b></p> <p>Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết</p>	- Lệ phí Nhà ở riêng lẻ của nhân dân (thuộc đối tượng phải có giấy phép): 75.000 Đồng/giấy phép;	<p>1. Luật Xây dựng năm 2014;</p> <p>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;</p>	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
	ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.		TTHC, UBND cấp huyện - Hoặc qua đường dịch vụ bưu chính. - Hoặc nộp qua dịch vụ công trực tuyến.	- Lệ phí các công trình khác: 150.000 Đồng/giấy phép.	3. Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; 4. Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; 5. Quyết định số 55/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; 6. Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Công bố thủ tục hành chính	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
					ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	
4	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	- 20 ngày đối với công trình và 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<p><b>- Nơi Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả giải quyết TTHC:</b></p> <p>Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC, UBND cấp huyện</p> <p>- Hoặc qua đường dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Hoặc nộp qua dịch vụ công trực tuyến.</p>	<p>- Lệ phí Nhà ở riêng lẻ của nhân dân (thuộc đối tượng phải có giấy phép): 75.000 Đồng/giấy phép;</p> <p>- Lệ phí các công trình khác: 150.000 Đồng/giấy phép.</p>	<p>1. Luật Xây dựng năm 2014;</p> <p>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;</p> <p>3. Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;</p> <p>4. Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;</p>	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
					<p>5. Quyết định số 55/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;</p> <p>6. Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</p>	
5	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn	- 20 ngày đối với công trình và 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<p><i>- Nơi Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả giải quyết TTHC:</i></p> <p>Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết</p>	- Lệ phí Nhà ở riêng lẻ của nhân dân (thuộc đối tượng phải có giấy phép): 75.000 Đồng/giấy phép;	<p>1. Luật Xây dựng năm 2014;</p> <p>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;</p>	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
	giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.		TTHC, UBND cấp huyện - Hoặc qua đường dịch vụ bưu chính. - Hoặc nộp qua dịch vụ công trực tuyến.	- Lệ phí các công trình khác: 150.000 Đồng/giấy phép.	3. Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; 4. Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; 5. Quyết định số 55/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; 6. Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Công bố thủ tục hành chính ban hành	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
					mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	
6	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	- 20 ngày đối với công trình và 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<p><b>- Nơi Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả giải quyết TTHC:</b></p> <p>Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC, UBND cấp huyện</p> <p>- Hoặc qua đường dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Hoặc nộp qua dịch vụ công trực tuyến.</p>	<p>- Lệ phí Nhà ở riêng lẻ của nhân dân (thuộc đối tượng phải có giấy phép): 75.000 Đồng/giấy phép;</p> <p>- Lệ phí các công trình khác: 150.000 Đồng/giấy phép.</p>	<p>1. Luật Xây dựng năm 2014;</p> <p>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;</p> <p>3. Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;</p> <p>4. Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;</p>	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
					<p>5. Quyết định số 55/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;</p> <p>6. Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</p>	
7	<p>Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyên/Theo tuyên trong đô thị/Tín</p>	<p>- 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p><i>- Nơi Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả giải quyết TTHC:</i>  Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết</p>	<p>- Lệ phí: 15.000 Đồng/giấy phép;</p>	<p>1. Luật Xây dựng năm 2014;  2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;</p>	<p>Một cửa</p>



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
	<p>ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.</p>		<p>TTHC, UBND cấp huyện</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoặc qua đường dịch vụ bưu chính.</li> <li>- Hoặc nộp qua dịch vụ công trực tuyến.</li> </ul>		<p>3. Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;</p> <p>4. Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;</p> <p>5. Quyết định số 55/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;</p> <p>6. Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Công bố thủ tục hành chính ban hành</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
					mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	
8	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	- 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<p><b>- Nơi Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả giải quyết TTHC:</b></p> <p>Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC, UBND cấp huyện</p> <p>- Hoặc qua đường dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Hoặc nộp qua dịch vụ công trực tuyến.</p>	Không quy định.	<p>1. Luật Xây dựng năm 2014;</p> <p>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;</p> <p>3. Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;</p> <p>4. Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;</p>	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
					<p>5. Quyết định số 55/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;</p> <p>6. Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</p>	

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2707/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 19 tháng 8 năm 2021

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên (Có Danh mục thủ tục hành chính kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Các Quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

1. Quyết định số 4020/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính các cấp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên;

2. Quyết định số 3314/QĐ-UBND ngày 12/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên;

3. Quyết định số 3740/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, HCC.

NiTrang.8.2021

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ký bởi: Văn phòng Ủy ban  
nhân dân  
Cơ quan: Tỉnh Thái Nguyên  
Ngày ký: 19-08-2021 09:31:14  
+07:00

**Lê Quang Tiến**